ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08/GPMT-UBND	*TP. Tây Ninh, ngày 24 tháng 11 năm 2023*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần in Hoàng Lê Kha Tây Ninh ngày 31/10/2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố tại Tờ trình số 1013/TTr-PTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần in Hoàng Lê Kha Tây Ninh, địa chỉ tại số 129, đường Hoàng Lê Kha, Khu phố 3, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án "Cơ sở in Hoàng Lê Kha Tây Ninh" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án "Cơ sở in Hoàng Lê Kha Tây Ninh".

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 129, đường Hoàng Lê Kha, Khu phố 3, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Công ty Cổ phần in Hoàng Lê Kha Tây Ninh.

1.4. Mã số thuế: 3900318640.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: In giấy các loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Quy mô: Tổng diện tích thự hiện của Dự án là 5.752,9 m^2.

- Công suất theo thiết kế: 800 tấn sản phẩm giấy in các loại/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần in Hoàng Lê Kha Tây Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố, UBND Phường 3 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần in Hoàng Lê Kha Tây Ninh;
- Phòng TNMT TP;
- UBND Phường 3;
- Lưu: VT (PTNMT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Bá Can

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND Thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn phát sinh: Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, lưu lượng phát sinh 3,2 m^3/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số K = 1,2 được chảy theo đường ống Ø 114mm. đặt ngầm cách mặt đất, cách mặt đất 0,5m với chiều dài khoảng 80m chảy vào cống thoát nước chung của khu vực trên đường Hoàng Lê Kha.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Trong phạm vi khu đất của Công ty Cổ phần in Hoàng Lê Kha Tây Ninh tại Số 129 đường Hoàng Lê Kha, khu phố 3, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tọa độ vị trí xả nước thải hệ tọa độ VN 2000 KT 105°30' Múi 30° X = 565830; Y = 1250162.

+ 2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 3,2 m^3/ngày.đêm, tương đương 0,13 m^3/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý xong tự chảy ra cống thoát nước chung khu vực trên đường Hoàng Lê Kha.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A), cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Tần suất quan trắc	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A, hệ số K = 1,2	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	06 tháng/lần	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định Khoản 2 Điều 97
2	BOD_5	mg/l		36	
3	TSS	mg/l		60	
4	Nitrat	mg/l		36	

5	Photphat	mg/l		7,2	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
6	Amoni	mg/l		6	
7	Coliform	MPN/l		3.600	
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/l		12	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên và khách hàng, từ hoạt động kinh doanh *(sơ chế thịt cá, rau củ, vệ sinh khu vực hoạt động)* và từ hoạt động của khu vực ăn uống được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 7,15 m^3/ngày. đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt của công nhân viên được thu gom về bể tự hoại để xử lý. Nước thải vào bể tự hoại đầu tiên sẽ qua ngăn lắng và phân hủy cặn. Tại ngăn này, các cặn rắn được giữ lại và phân hủy một phần với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau đó, nước qua ngăn chứa nước. Tại đây, các thành phần hữu cơ có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau ngăn lắng cặn, nước được đưa qua ngăn lọc với vật liệu lọc bao gồm sỏi, than, cát được bố trí từ dưới lên trên nhằm tách các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (Nitơ, Phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%.

Sau khi qua bể tự hoại thì hàm lượng các chất ô nhiễm BOD_5, COD và SS giảm đáng kể. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn chảy ra cống thoát nước chung của khu vực trên đường Hoàng Lê Kha và phần bùn lắng định kỳ thuê đơn vị hút hầm cầu đến hút và vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định.

Công ty đã xây dựng 02 bể tự hoại có kích thước 3,8 x 1,0 x 1,3m để xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án.

- Công suất thiết kế: 3,2 m^3/ngày.đêm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không có.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Các trường hợp sự cố có thể xảy ra tại hệ thống xử lý nước thải và biện pháp phòng chống sự cố tương ứng:

+ Hệ thống xử lý nước thải quá tải, không xử lý hết lượng nước thải phát sinh. Do đó, chủ đầu tư đã tính toán và thiết kế ứng với trường hợp lưu lượng nước thải cao nhất.

+ Phòng chống lưu lượng nước thải tăng lên do mưa lớn: Khu vực xử lý nước thải phải có đường ống thoát nước mưa riêng, không để nước mưa xả vào hệ thống xử lý nước thải.

+ Có biện pháp khắc phục khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, tuyệt đối không để nước thải chưa qua xử lý xả thải ra môi trường.

+ Lập báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.

+ Nếu đã thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên mà chưa thể khắc phục sự cố thì được phép xử lý theo hướng ưu tiên: 1- Bảo đảm an toàn về con người; 2- An toàn tài sản; 3- An toàn công việc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không có.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Không có.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường được cấp. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08./GPMT-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố Tây Ninh).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, công suất 70 KVA (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện).

+ Nguồn số 02: Khí thải phát sinh khu vực sản xuất xưởng in.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Nguồn số 01: Tại ống thải của máy phát điện dự phòng có công suất 70 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO hoạt động khi có sự cố mất điện. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^0 30'$ múi chiếu 3^0): X = 565876; Y = 1250105.

- Nguồn số 02: Tại khu vực sản xuất xưởng in. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^0 30'$ múi chiếu 3^0): X = 565885; Y = 1250130.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Lưu lượng xả khí thải tối đa:

+ Nguồn số 01: Tại ống thải của máy phát điện dự phòng có công suất 70 KVA , lưu lượng khí thải lớn nhất là 277 m^3/giờ

+ Nguồn số 02: Tại khu vực sản xuất xưởng in, lưu lượng khí thải lớn nhất ≤ 3.646 m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Nguồn số 01, 02: phát tán tự nhiên.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải: Theo QCVN QCVN 05:2023/BTNMT.

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Tần suất quan trắc	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc tự động, liên tục
I	Khí thải máy phát điện				
1	Lưu lượng	m^3/giờ		P ≤ 20.000	

2	Bụi	mg/Nm^3	Không áp dụng	160	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
3	SO_2	mg/Nm^3		680	
4	NO_x	mg/Nm^3		400	
5	CO	mg/Nm^3		800	
II	Khu vực sản xuất xưởng in				
1	Bụi	mg/m^3	6 tháng/lần	8	
2	SO_2	mg/m^3		10	
3	NO_2	mg/m^3		10	
4	CO	mg/m^3		40	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

1.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08./GPMT-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố Tây Ninh).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: Phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 70KVA.

+ Nguồn số 02: Phát sinh từ máy móc thiết bị khu vực xưởng máy in.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Nguồn số 01: Tại máy phát điện dự phòng công suất 70KVA. Tọa độ vị trí phát sinh (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^0$30' múi chiếu 3^0): X = 566262; Y = 1250523.

- Nguồn số 02: Tại máy móc thiết bị khu vực xưởng máy in. Tọa độ vị trí phát sinh (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^0$30' múi chiếu 3^0): X = 566202; Y = 1250540.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT (Khu vực thông thường)
1	Độ ồn	dBA	70 dBA từ 6 giờ - 21 giờ 55 dBA từ 21 giờ - 6 giờ

Giá trị giới hạn đối với độ rung

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 27:2010/BTNMT (Khu vực thông thường)
1	Độ rung	dB	70 dB từ 6 giờ - 21 giờ 60 dB từ 21 giờ - 6 giờ

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Máy móc âm thanh được bảo trì bảo dưỡng định kỳ thường xuyên để đảm bảo chất lượng khi vận hành giảm tiếng ồn và giảm rung theo đúng quy định. Đối với các thiết bị vận hành cố định như máy bơm, máy phát điện dự phòng có thể sử dụng tường cách âm để giảm ồn.

+ Khu vực hoạt động sản xuất xây dựng tường hín đáo, cách âm đảm bảo trong quá trình hoạt động không để tiếng ồ và độ rung vượt quy chuẩn phát tán ra môi trường bên ngoài.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

+ Gắn đế cao su và lò xo giảm chấn tại chân máy phát điện.

+ Nền để máy phát điện được xây dựng bằng xi măng mác cao, đào các rãnh xung quanh có đổ cát để ngăn cản độ rung trên sàn nhà.

+ Trong quá trình vận hành thường xuyên kiểm tra máy móc, tra dầu mỡ và thay thế các thiết bị mài mòn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố Tây Ninh).

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nuy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	900	08 02 04	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	20	16 01 06	NH
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	5	16 01 12	NH
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	Rắn	5	16 01 13	NH
5	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	20	17 02 03	NH
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thảo ra là CTNH) thải	Rắn	200	18 01 01	NH
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	100	18 02 01	KS
Tổng số lượng			1.250		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: giấy, thùng carton; chai nhựa, chai thủy tinh không ô nhiễm: 250 kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 60,35 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng rác bằng nhựa có nắp đậy 120 lít (bố trí trong kho chứa).

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Kho được bố trí trong nhà, phía sau khu vực nhà để xe khu sản xuất. Diện tích khu vực lưu chứa: 12 m^2.

- Kết cấu khu vực lưu chứa trong nhà: Khu vực lưu chứa có vách tôn bao quanh, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có dán nhãn, gắn biển cảnh báo.

- Ký hợp đồng và bàn giao Chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng rác bằng nhựa có nắp đậy 120 lít (bố trí trong kho chứa).

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 60,0 m^2 được bố trí trong nhà, phía sau khu vực nhà vệ sinh khu sản xuất.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Kho xây dựng có mái che, vách tol, cửa sắt, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Ký hợp đồng và bàn giao Chất thải sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng rác bằng nhựa có nắp đậy 120 lít.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 10 m^2 được bố trí trong nhà, phía sau kho chứa hàng thành phẩm.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Kho xây dựng có mái che, vách tol, cửa sắt, nền bê tông.

- Ký hợp đồng và bàn giao Chất thải sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và

Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Các trường hợp sự cố có thể xảy ra tại hệ thống xử lý nước thải và biện pháp phòng chống sự cố tương ứng:

+ Xây dựng nhà lưu giữ chất thải có mái che, đề phòng khi có sự cố vỡ hệ thống, chất thải chảy tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

+ Trang bị các biện cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố gây ra.

+ Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cách cháy, bể chứa nước phòng cháy, chữa cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.